

Bản án số: 42/2024/HNST.

Ngày: 14/5/2024.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

Ông **Lê Văn Thành**.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nhâm Thị Thanh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT:*** Ông **Tô Minh Phú** – kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2024/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐST-HN, ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐST-HN ngày ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà **Võ Thị L**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 195A, khu vực Thạnh H, phường Thường T, quận CR, thành phố CT. (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: Số 56, ấp Tân Thạnh T, xã Tân Phú T, huyện CT A, tỉnh HG.

***Bị đơn:*** Ông **Lâm H**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: 195A, khu vực Thạnh H, phường Thường T, quận CR, thành phố CT. (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:***

***Về quan hệ hôn nhân:*** Nguyên đơn và bị đơn quen biết nhau là do tình cờ, tìm hiểu được khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thường T, quận CR, thành phố CT và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2008 ngày 03/4/2008. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng

quan điểm nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng ngày càng phai nhạt và cho đến nay thì tình cảm vợ chồng đã không còn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn ông Lâm H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Lâm Ngọc H (nữ), sinh ngày 02/10/2009 và Lâm Minh Q (nam), sinh ngày 05/11/2012. Nguyên đơn xin được nuôi 02 con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng chi phí nuôi con hàng tháng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Lâm H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình và cũng không có gửi bất kỳ văn bản ý kiến cho Tòa án xem xét.

*Do vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành việc công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.*

#### **Tại phiên tòa:**

\* Nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Về tài sản chung thì nguyên đơn xin được tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

\* Bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

\* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Lâm H vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyền số 01/2008 ngày 03/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Thường T, quận CR, thành phố CT nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, cho thấy bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về con chung*:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ Thị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Ngọc H (nữ), sinh ngày 02/10/2009 và cháu Lâm Minh Q (nam), sinh ngày 05/11/2012 nhưng nguyên đơn có thay đổi yêu cầu về việc cấp dưỡng, do thời điểm khởi kiện và quá trình giải quyết thì nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Nay nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng vì nguyên đơn cho rằng mình có đủ điều kiện để nuôi con, đồng thời nguyên đơn cũng đang cất nhà riêng nên có thể tự mình chăm sóc tốt cho con mà không cần bị đơn phải cấp dưỡng. Xét thấy, bà L có đủ điều kiện nuôi con chung và từ trước đến nay, bà L cũng là người trực tiếp chăm sóc các con, đồng thời cháu H và cháu Q đều có nguyện vọng được chung sống với bà L. Do đó, để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt thường ngày của cháu H, cháu Q nên việc giao con chung cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, do ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình để được xem xét nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu nuôi con chung của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn ông Lâm H theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về tài sản chung*: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn khai không có tài sản chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày lý do khai không có tài sản chung là vì không có ý định chia tài sản nhưng thực tế trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số 195A, khu vực Thạnh H, phường Thường T, quận CR, thành phố CT. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu được tự thỏa thuận với bị đơn về tài sản chung của vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003220 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị L.*

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị L được ly hôn với ông Lâm H.

3. *Về con chung*: Giao 02 con chung là cháu Lâm Ngọc H (nữ), sinh ngày 02/10/2009 và cháu Lâm Minh Q (nam), sinh ngày 05/11/2012 cho bà Võ Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu H và cháu Q đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Lâm H theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

6. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003220 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu.

**Huỳnh Thị Kim Xuân**